

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH QUẢNG BÌNH**
Bản án số: 85 /2017/HSST
Ngày: 21/12/2017.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH QUẢNG BÌNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Vân;

Các Hội thẩm nhân dân: 1.Bà Nguyễn Thị Hải; 2.Ông Dương Quốc Phòng;

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Anh Đức, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bích Liên, Kiểm sát viên.

Ngày 21/12/2017, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 81/2017/TLST-HS ngày 17 / 11 /2017; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89 /2017/QĐXXST-HS, ngày 07 / 12 /2017, đối với bị cáo:

1.Hoàng Minh T tên gọi khác: Không, sinh ngày 25/8/1997 tại huyện L, tỉnh Q. Nơi cư trú: Thôn T, xã M, huyện L, tỉnh Q; trình độ văn hóa: 9/12; nghề nghiệp: Không. Con ông Hoàng Ngọc Th, sinh năm 1971. Con bà Bùi Thị H, sinh năm 1978. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện B từ ngày 28/8/2017 cho đến nay, có mặt.

2. Lê Vương Á, tên gọi khác: Không, sinh ngày 25/7/1977 tại huyện Q, tỉnh Q. Nơi cư trú: Thôn Á, xã V, huyện Q, tỉnh Q; trình độ văn hóa: 7/12; nghề nghiệp: Lái xe. Con ông Lê Sỹ L(Chết). Con bà Trần Thị T(Chết). Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện B từ ngày 28/8/2017, đến ngày 19/9/2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn”Bảo lãnh”, có mặt.

Những người tham gia tố tụng khác:

- Người bị hại: 1.Nguyễn Ngọc Tuấn L, thôn Đ, xã V, huyện B, tỉnh Q, vắng mặt;

2.Trần Thị Hương G, tiểu khu 10, thị trấn H, huyện B, tỉnh Q; có mặt

3.Lê Anh T, thôn T, xã Th, huyện B, tỉnh Q; có mặt.

4.Nguyễn Phước Th, thôn 6, xã H, huyện B, tỉnh Q; có mặt;

5.Lê Xuân H, thôn 4, xã L, huyện B, tỉnh Q; có mặt;

6.Nguyễn Thị B, thôn 8, xã L, huyện B, tỉnh Q; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ ngày 12 đến ngày 25/8/2017 Hoàng Minh T đã thực hiện 06 vụ trộm cắp mô tô, xe máy trên địa bàn huyện Bồ Trạch:

Vụ thứ nhất: Khoảng 12 giờ ngày 12/8/2017 Hoàng Minh T đi xe buýt từ xã L ra đến chợ T, xã Th thì xuống xe đi bộ hướng vào chợ khoảng 500m thì thấy nhà anh Lê Anh T cổng mở, trước sân có xe Honda Airblade 73N9-2323 trên ổ khóa xe có sẵn chìa khóa, T đi vào dắt xe lùi ra cổng, nổ máy chạy ra hướng đường Quốc lộ 1A rồi chạy vào tiệm sửa chữa xe máy L-N ở thôn Á, xã V, huyện Q gặp Lê Vương Á chủ tiệm, T nói” Em có chiếc xe bán, anh mua không”, Á nói”Bán mấy, xe mô ri”, T nói” Mấy cũng được, xe T”, Á biết đây là xe trộm cắp mà có nên trả giá 2.000.000đ và T đồng ý. Á bảo vợ là Ngô Thị N vào tủ lấy tiền ra trả. Sau đó Á tháo biển kiểm sát 73N9-2323 và thay bằng BKS 60V4-5325 để sử dụng. Hội đồng định giá tài sản kết luận xe mô tô Honda 73N9-2323 trị giá 10.000.000đ.

Vụ thứ 2: Khoảng 22 giờ ngày 13/8/2017, Hoàng Minh T đi nhờ xe từ xã L ra đến ngã ba H rồi xuống xe đi bộ ra hướng xã Đ khoảng 30m thì thấy xe Honda Super Cup 50, trị giá 500.000đ của anh Nguyễn Phước Th ở thôn 6, xã H để trên vỉa hè, không có người trông coi. T đi lại ngồi lên và đạp thì xe nổ máy nên điều khiển xe chạy vào xã L thuê nhà nghỉ ở lại. Trưa ngày hôm sau T điều khiển xe vào tiệm sửa chữa xe máy L-N gặp Lê Vương Á, T nói”Ở đây mua xe Cúb không”, Á trả lời “Có”, T nói”bao nhiêu”, Á nói” Trả cho 650.000đ”, T đồng ý. Á hỏi tiếp” Xe ni ở mô đây ri”, T trả lời” Xe H”. Á biết đây là xe trộm cắp mà có nhưng vẫn mua và gọi vợ là Ngô Thị N lấy 650.000đ đưa cho T.

Vụ thứ 3: Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 15/8/2017 T từ nhà nghỉ N bắt xe buýt đi ra hướng H với mục đích tìm xe để lấy trộm. T xuống xe ở khu tượng đài Liệt sỹ ở xã L rồi đi bộ theo đường liên xã hướng xuống xã N, khi đến đoạn nhà anh Lê Xuân H ở thôn 4, xã L thì phát hiện có xe Honda Super Cub 50, trị giá 500.000đ của anh H để trước sân trên xe có sẵn chìa khóa T vào sân dắt xe ra cổng rồi bật chìa khóa nổ máy chạy vào cửa hàng sửa chữa xe máy L-N gặp Lê Vương Á, T nói “Anh ơi cho em bán chiếc xe”, Á nói”Chừ mấy”, T nói”Mấy cũng được, anh lấy cho em đỡ đỡ với”, Á chạy thử xe rồi trả cho T 1.000.000đ. Số tiền trên T đã tiêu xài cá nhân.

Vụ thứ 4: Khoảng 11 giờ ngày 16/8/2017 T bắt xe buýt từ nhà nghỉ N đi qua cầu vượt L khoảng 200m thì xuống đi bộ tìm nhà nào sơ hở để trộm cắp xe. Khi đến quán tạp hóa Th –B của chị Nguyễn Thị B ở thôn 8, xã L thì phát hiện xe Honda Airblade 73N9-1192 đang ở trước sân, T đi vào quán thì thấy chìa khóa ở trên tủ chìa khóa ở trên tủ kính đựng hàng nhưng vì đông người nên T mua thuốc lá rồi đi ăn trưa. Đến 12 giờ 30 phút T quay lại đi vào trong quán tạp hóa và gọi” Chị ơi” nhưng không có ai trả lời. T lấy chìa khóa ở trên tủ kính đi ra mở khóa, dắt xe ra đường nổ máy chạy vào Đ, tỉnh Qu cầm cố cho anh Lê Văn M lấy 5.000.000đ tiêu xài cá nhân, Quá trình điều tra anh Lê Văn M không thừa nhận là cho T cầm xe. Hội đồng định giá kết luận xe Mô tô BKS 73N9-1192 trị giá 6.333.000đ.

Vụ thứ 5: Khoảng 11 giờ ngày 20/8/2017, T đi bộ ở xã V hướng lên xã C để tìm xe máy lấy trộm. Khi đến đoạn đường nhà anh Nguyễn Ngọc Tuấn L thôn Đ, xã V thì thấy xe Yamaha Sirius 73F1-067.19 để trước sân, trên xe có sẵn chìa khóa. T đi thẳng vào sân, dắt xe đẩy ra cổng nổ máy chạy vào tiệm sữa xe máy L-N gặp Lê Vương Á, T nói ” Em bán xe”, Á hỏi “Mấy”, T trả lời ” Mấy cũng được”, Á biết xe trên là do trộm cắp mà có nên trả 1.900.000đ. Á gọi chị Ngô Thị N đưa tiền ra trả cho T, sau đó Á bán xe cho một người khác với giá 5.700.000đ và đã chuộc về giao nộp cho cơ quan điều tra. Hội đồng định giá kết luận xe BKS 73F1-0678.19 trị giá 17.840.000đ.

Vụ thứ 6: Trưa ngày 25/8/2017, T đi bộ từ ngã ba H hướng lên xã C để tìm nhà nào sơ hở trộm cắp tài sản. Khi đến đoạn nhà chị Trần Thị Hương G ở tiểu khu 10, thị trấn H, Tuấn đẩy cổng vào thấy xe Yamaha Taurus 73N8-7119 trên xe có sẵn chìa khóa, T dắt xe ra cổng, nổ máy chạy vào Đ thì dừng lại mở cốp xe thấy có 01 ví da bên trong có 3.000.000đ tiền Việt Nam, 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe và 01 giấy đăng ký xe 73N8-7119 đều mang tên Trần Thị Hương G. T lấy 3.000.000đ cất vào túi quần còn các giấy tờ để lại trong cốp xe điều khiển xe chạy đến tiệm sữa chữa xe máy L-N bán cho Lê Vương Á với giá 1.400.000đ. Hội đồng định giá kết luận xe BKS 73N8-7119 trị giá 1.200.000đ.

Tổng giá trị toàn bộ tài sản mà T chiếm đoạt của các người bị hại là 39.373.000đ.

Vật chứng vụ án: Cơ quan điều tra đã thu giữ và xử lý trả lại cho anh Lê Anh T 01 xe Hon da Airblade BKS 73N9-2323; cho Nguyễn Phước Th 01xe Honda Super Cup 50; cho Nguyễn Ngọc Tuấn L 01 xe Yamaha Sirius 73F1- 067.19; Trần Thị Hương G 01 xe Yamaha Taurus 73N8-7119 và 3.000.000đ tiền Việt Nam, 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe và 01 giấy đăng ký xe đều mang tên Trần Thị Hương G.

Thu giữ 01 xe Honda Super Cup 50 không giám định được số khung, số máy, không có giấy tờ, đã chuyển cho Đội Cảnh sát giao thông Công an huyện B để xử lý theo thẩm quyền.

Thu giữ 01 biển kiểm sát 60V4-5325.

Trách nhiệm dân sự: Các người bị hại Lê Anh T, Nguyễn Phước Th, Nguyễn Ngọc Tuấn L, Trần Thị Hương G đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì thêm. Chị Nguyễn Thị B yêu cầu Hoàng Minh T bồi thường 10.000.000đ giá trị xe Honda Airblade 73N9-1192 do không thu hồi được. Bị cáo Hoàng Minh T đồng ý bồi thường cho người bị hại Lê Xuân H 1.500.000đ theo thỏa thuận.

Biện pháp tư pháp: Quá trình thực hiện hành vi phạm tội bị cáo Hoàng Minh T đã thu lợi bất chính số tiền 5.950.000đ nên cần thu hồi để sung công quỹ Nhà nước.

Bản Cáo trạng số 84/THQCT-KSĐT ngày 17/9/2017 Viện kiểm sát Nhân dân huyện B truy tố Hoàng Minh T về tội”Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự; truy tố Lê Vương Á về tội” Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự.

Bị cáo T và Á đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên và thừa nhận quyết định truy tố của Viện kiểm sát là đúng.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo Hoàng Minh T đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản và bị cáo Lê Vương Á đủ yếu tố cấu thành tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo T; áp dụng khoản 1 Điều 250, điểm g khoản 1 Điều 48, điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 60 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Á, xử phạt bị cáo T từ 24 đến 30 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 28/8/2017; xử phạt Á từ 15 đến 18 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 đến 36 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Vật chứng: Đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự tuyên tịch thu tiêu hủy 01 biển kiểm soát 60V4-5325; 01 xe mô tô Honda Cup 50, không giám định được số khung, số máy, không có giấy tờ, đã chuyển cho Đội Cảnh sát giao thông Công an huyện B xử lý theo thẩm quyền nên không xét. Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị tuyên buộc bị cáo Hoàng Minh T bồi thường 10.000.000đ trị giá xe mô tô 73N9-1192 do không thu hồi được cho chị Nguyễn Thị B theo thỏa thuận tại phiên tòa; bị cáo T bồi thường cho anh Lê Xuân H 1.500.000đ, theo thỏa thuận.

Biện pháp Tư pháp: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự, Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị tuyên buộc bị cáo T nộp lại số tiền thu lợi bất chính 5.950.000đ để sung công quỹ Nhà nước.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo T phải chịu thêm tiền án phí dân sự sơ thẩm, để sung công quỹ Nhà nước.

Bị cáo T và bị cáo Á nói lời sau cùng xin giảm nhẹ hình phạt để sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Hoàng Minh T và Lê Vương Á đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Bị cáo T đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự; bị cáo Á phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự, đúng như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Q đã truy tố đối với các bị cáo.

Xét tính chất, mức độ, hậu quả của vụ án Hội đồng xét xử thấy rằng: Xuất phát từ động cơ háms lợi, ý thức coi thường pháp luật, từ ngày 12 đến ngày 25/8/2017 Hoàng Minh T đã lén lút thực hiện 06 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn các xã T, L, V, thị trấn H chiếm đoạt tài sản của các người bị hại, tổng giá trị toàn bộ tài sản mà T

chiếm đoạt là 39.373.000đ. Đối với bị cáo Lê Vương Á biết tài sản T bán là do trộm cắp mà có nhưng vẫn mua 05 chiếc mô tô, giá trị tài sản mà Á tiêu thụ là 30.040.000đ.

Hành vi của các bị cáo chẳng những xâm phạm đến tài sản của người khác mà còn ảnh hưởng xấu tình hình an ninh, trật tự ở địa phương; gây tâm lý hoang mang, lo lắng trong quần chúng nhân dân. Do vậy, cần xử phạt nghiêm khắc đối với các bị cáo mới có tác dụng trừng trị, giáo dục riêng và răn đe, phòng ngừa chung về loại tội phạm này.

Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo T sáu lần thực hiện hành vi trộm cắp; bị cáo Á năm lần tiêu thụ tài sản do T phạm tội mà có, thuộc trường hợp phạm tội nhiều lần, là tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự đối với cả hai bị cáo; các bị cáo đã tỏ ra thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; riêng bị cáo Á đã tự nguyện chuộc lại xe của anh L BKS 73F1-067.19 để giao nộp và giao nộp xe của chị G BKS 73N8-7119 cho Cơ quan điều tra trả lại cho anh L và chị G (Khắc phục hậu quả), có bố là ông Lê Sỹ L, người có công với Cách mạng; được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba, Huân chương chiến sỹ vẻ vang hạng ba, Huân chương chiến sỹ giải phóng hạng ba, bản thân Á bị bệnh lao phổi, sức khỏe yếu, luôn phải đi điều trị ở Bệnh viện. Do đó, cần cho bị cáo T được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự, cho bị cáo Á được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự, để giảm nhẹ cho các bị cáo phần nào về hình phạt là có căn cứ. Riêng bị cáo Á có nhiều tình tiết giảm nhẹ, chiếu cố đến điều kiện, hoàn cảnh gia đình và sức khỏe, có chỗ ở ổn định, rõ ràng, cần tạo điều kiện cho bị cáo điều trị bệnh, không cần thiết cách ly ra khỏi xã hội mà cho bị cáo Á được hưởng án treo theo quy định tại Điều 60 Bộ luật hình sự, giao bị cáo Á cho chính quyền địa phương, phối hợp cùng gia đình giám sát, giáo dục cũng đủ tác dụng, thể hiện tính nhân đạo và sự khoan hồng của Pháp luật.

Cần tiếp tục tạm giam bị cáo Hoàng Minh T để đảm bảo thi hành án theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng hình sự.

Đối với Ngô Thị N (Vợ của Lê Vương Á) trong quá trình giao dịch mua xe với Hoàng Minh T có ba lần chị N là người trực tiếp trả tiền mua xe cho T, nhưng không biết đó là tài sản do phạm tội mà có nên không xử lý; đối với Lê Văn M, T khai Mỹ là người đã cho T cầm xe 73N9-1192, nhưng quá trình điều tra không đủ cơ sở để chứng minh nên không xử lý, là đúng quy định của pháp luật.

Về vật chứng: Thu giữ và đã xử lý trả lại xe mô tô cho những người bị hại Lê Anh T, Nguyễn Phước Th, Nguyễn Ngọc Tuấn L và chị Trần Thị Hương G (Ngoài nhận lại xe ra chị G còn nhận lại 3.000.000đ, 01 Giấy chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe, 01 giấy đăng ký xe), những người này không có yêu cầu gì thêm, nên không xét. Thu giữ 01 xe Honda Super Cup 50 không giám định được số khung, số máy, không có giấy tờ, đã chuyển cho Đội cảnh sát giao thông Công an huyện B để xử lý theo thẩm quyền, là đúng quy định của pháp luật. Cần tịch thu tiêu hủy 01 biển kiểm soát 60V4-5325, theo quy định tại khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự, là đúng quy định của pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Hoàng Minh T bồi thường cho chị Nguyễn Thị B 10.000.000đ và bồi thường cho anh Lê Xuân H 1.500.000đ, theo thỏa thuận, quy định tại Điều 42 Bộ luật hình sự, Điều 584, Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015.

Biện pháp Tư pháp: Buộc Hoàng Minh T nộp lại số tiền 5.950.000đ là tiền do phạm tội mà có để sung công quỹ Nhà nước là có căn cứ.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, riêng bị cáo T phải chịu thêm tiền án phí dân sự sơ thẩm, theo luật định để sung công quỹ Nhà nước.

Bị cáo, những người bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo **Hoàng Minh T** phạm tội "Trộm cắp tài sản"; bị cáo **Lê Vương Á** phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có". Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Hoàng Minh T; áp dụng khoản 1 Điều 250, điểm g khoản 1 Điều 48, điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 60 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lê Vương Á, xử phạt: Hoàng Minh T 24 (Hai mươi bốn) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 28/8/2017.

Áp dụng Điều 228 Bộ luật tố tụng hình sự tiếp tục tạm giam bị cáo Hoàng Minh T thời hạn 45 (Bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (21/12/2017) để đảm bảo thi hành án.

Xử phạt bị cáo Lê Vương Á 15 (Mười lăm) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 (Ba mươi) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (21/12/2017).

Giao bị cáo Lê Vương Á cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện Q, tỉnh Q phối hợp với gia đình bị cáo giám sát, giáo dục bị cáo Á trong thời gian thử thách của án treo. Trong trường hợp bị cáo Á thay đổi nơi cư trú thì áp dụng khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

2. Về vật chứng vụ án: Áp dụng khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự tuyên tịch thu tiêu hủy 01 biển kiểm soát 60V4-5325, có tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Q, theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 12/12/2017.

3. Trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự và Điều 584, Điều 589 Bộ luật dân sự, buộc bị cáo Hoàng Minh T bồi thường cho chị Nguyễn Thị B số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) và anh Lê Xuân H số tiền 1.500.000đ (Một triệu năm trăm ngàn đồng), theo thỏa thuận.

Biện pháp Tư pháp: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự, Điều 76 Bộ luật tố tụng dân sự buộc bị cáo Hoàng Minh T nộp lại số tiền 5.950.000đ (Năm triệu chín trăm năm mươi ngàn đồng) là tiền do phạm tội mà có để sung công quỹ Nhà nước.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 23, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo Hoàng Minh T và Lê Vương Á mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình

sự sơ thẩm; bị cáo Hoàng Minh T phải chịu thêm 575.000đ(đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, để sung công quỹ Nhà nước.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án thì bên phải thi hành án còn phải chịu thêm lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm bồi thường tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án để trả cho bên được thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, báo cho các bị cáo, những người bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án(21/12/2017); người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ.

(Đã giải thích chế định án treo).

Nơi nhận:

- Tòa án N.D tỉnh Q;
- V. K.S N.D huyện Bồ Trách(2);
- Thi hành án phạt tù;
- Công an huyện B(3);
- Chi cục T.H.A D.S huyện B;
- Nhà tạm giữ Công an huyện B;
- Các bị cáo T; Á;
- Những người tham gia TT khác;
- UBND xã V;
- Sở Tư pháp tỉnh Q;
- Lưu hồ sơ;lưu V.P Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thanh Vân